

DANH SÁCH THÍ SINH PHÚC KHẢO TUYỂN SINH SĐH NĂM 2025 – ĐỢT 2

TT	Họ và tên	Năm sinh	Phòng thi	Số báo danh	Chuyên ngành dự thi	Môn thi phúc khảo		Điểm đã đạt	Điểm PK	Điểm cuối cùng	Ghi chú
1	Mai Xuân Thịnh	04/10/2000	16	BSNT138	Ngoại khoa	Chuyên ngành gần	Sản phụ khoa	3,75			
2	Đặng Vũ Thuật	09/10/2000	16	BSNT143	Ngoại khoa	Chuyên ngành gần	Sản phụ khoa	4,5			
3	Nguyễn Thanh Tùng	07/07/2001	17	BSNT164	Ngoại khoa	Chuyên ngành gần	Sản phụ khoa	4,25			
4	Nguyễn Minh Đức	13/08/2001	13	BSNT030	Chẩn đoán hình ảnh	Chuyên ngành gần	Sản phụ khoa	7,75			
						Môn cơ bản	Sinh học di truyền	7,75			
5	Dương Văn Hiếu	08/05/2001	13	BSNT044	Chẩn đoán hình ảnh	Môn toán	Toán thống kê	9,0			
						Chuyên ngành	Ngoại khoa	7,25			
						Môn cơ bản	Sinh học di truyền	7,25			
						Chuyên ngành gần	Sản phụ khoa	7,5			
6	Hoàng Quỳnh Thoa	08/02/2001	16	BSNT139	Chẩn đoán hình ảnh	Chuyên ngành gần	Sản phụ khoa	6,75			
7	Nguyễn Mạnh Toàn	13/03/2001	17	BSNT153	Chẩn đoán hình ảnh	Môn cơ bản	Sinh học di truyền	7,75			
						Chuyên ngành gần	Sản phụ khoa	6,25			
8	Phùng Thị Ngân	19/06/2000	15	BSNT105	Nội khoa	Môn cơ bản	Sinh học di truyền	4,75			
9	Phạm Văn Sinh	17/04/2001	16	BSNT123	Ung thư	Chuyên ngành	Ung thư	5,0			
10	Ngô Thị Giang	27/09/2000	13	BSNT034	Nhi khoa	Môn toán	Toán thống kê	4,25			
11	Phạm Văn Thuận	13/07/2000	16	BSNT142	Tai mũi họng	Chuyên ngành	Tai mũi họng	6,0			
12	Nguyễn Anh Tuấn	07/02/2001	17	BSNT163	Tai mũi họng	Chuyên ngành	Tai mũi họng	6,25			
13	Nguyễn Thị Vân	23/01/2001	17	BSNT169	Tai mũi họng	Chuyên ngành	Tai mũi họng	4,25			
						Chuyên ngành gần	Ngoại khoa	6,0			
						Môn cơ bản	Giải phẫu	5,5			



TT	Họ và tên	Năm sinh	Phòng thi	Số báo danh	Chuyên ngành dự thi	Môn thi phúc khảo		Điểm đã đạt	Điểm PK	Điểm cuối cùng	Ghi chú
14	Trần Linh Chi	17/08/2001	12	BSNT017	Sản phụ khoa	Chuyên ngành	Sản phụ khoa	6,25			
15	Hoàng Hoài Nương	06/06/2000	15	BSNT114	Sản phụ khoa	Chuyên ngành	Sản phụ khoa	4,5			
16	Phùng Thị Nhung	20/03/2001	15	BSNT112	Sản phụ khoa	Chuyên ngành	Sản phụ khoa	4,5			
17	Hà Thu Phương	03/04/2001	15	BSNT115	Sản phụ khoa	Chuyên ngành	Sản phụ khoa	6,25			
18	Ngô Thị Thuỳ Trang	13/02/2001	17	BSNT155	Sản phụ khoa	Chuyên ngành	Sản phụ khoa	5,25			
19	Đỗ Văn Long	11/09/1981	6	CKI167	Răng hàm mặt	Chuyên ngành	Răng hàm mặt	4,0			
20	Vũ Đức Mạnh	29/01/1974	7	CKI187	Răng hàm mặt	Chuyên ngành	Răng hàm mặt	4,0			
21	Hoàng Văn Ngữ	19/02/1978	7	CKI209	Răng hàm mặt	Chuyên ngành	Răng hàm mặt	3,25			
22	Nguyễn Minh Tâm	12/09/1984	9	CKI253	Răng hàm mặt	Môn cơ sở	Giải phẫu	3,5			
23	Lê Văn Trăm	18/02/1982	10	CKI308	Răng hàm mặt	Chuyên ngành	Răng hàm mặt	2,0			
24	Lê Đức Tuấn	28/03/1986	11	CKI320	Răng hàm mặt	Chuyên ngành	Răng hàm mặt	2,75			
25	Nguyễn Vũ Quang	19/12/1989	8	CKI231	Tai mũi họng	Môn cơ sở	Giải phẫu	4,25			
26	Nhâm Văn Đà	02/03/1982	2	CKI043	Chẩn đoán hình ảnh	Chuyên ngành	Chẩn đoán hình ảnh	4,75			

Ấn định danh sách gồm 26 thí sinh ./.

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2025



GS. TS Nguyễn Tiến Dũng